

NGÔN NG H C VÀ VI T NG H C

KH O SÁT N D Ý NI M “L A” TRONG TH CA M VÀ VI T NAM TH K 20 AN INVESTIGATION INTO CONCEPTUAL METAPHORS OF “FIRE” IN AMERICAN AND VIETNAMESE 20th CENTURY POETRY

L U QUÝ KH NG
(PGS.TS; Đ i h c Ngo i ng , Đ i h c Đà N ng)
BÙI TH KIM PH NG
(Trung tâm Ngo i ng Modern English, Đà N ng)

Abstract: This paper investigated conceptual metaphors of “fire” in American and Vietnamese 20th century poetry. Then, it found out some similarities and differences in conceptual metaphors of “fire” in the two languages. Moreover, this research hopes to be an inspiration to those who are interested in conceptual metaphors in poetry, especially those of fire.

Key words: metaphor; cognition; fire; American poetry; Vietnamese poetry.

1. Đ t v n đ

L a đ c xem là m t trong b n y u t chính t o ra vũ tr và cu c s ng con ng i [2]. Nhi u qu c gia, trong đó có M và Vi t Nam, ng i ta coi l a nh là m t bi u t ng c a văn hóa. L a là th n thánh đ ng th i cũng là ma qu . L a đem đ n s s ng, cái ch t, l a h i sinh, l a h y di t...T x a, l a xu t hi n trong nhi u s thi, th n tho i. Trong th ca M và Vi t Nam th k 20, l a đ c s đ ng và mang nhi u nét n đ phong phú. Tuy nhiên, khi đ c các bài th ti ng Anh và th m chí c ti ng Vi t có xu t hi n các t h c ng liên quan đ n l a, không phi ai cũng đ dàng nh n ra đ c nh ng nét đ p mang tính n đ đ ng sau nh ng con ch y. Ví d:

(1.1) *The weight of a man on a woman/ Is like falling into the river without drowning/ Above, the world is burning and fighting/ Lost worlds flow through others* (Linda Hogan, Two) [3, p. 232].

(1.2) *Xiêm áo t n phi gi n ng c ngà/ L a thi u cu ng v ng kh p làn da/ Phút giây nghe tr i bên l ng ng c/ T i ng th dài bu ng, r ù cánh hoa* (Vũ Hoàng Ch ng, Còn Đâu V ng Cúc) [13, p.542].

T ngàn x a, con ng i t o ra l a b ng cách c x t hai viên đá l a v i nhau. Hình nh này đ

vào trí t ng t ng c a con ng i, giúp h liên t ng t i s chung đ ng gi i tính. L a hay là đ m mê tình d c, cái nào có tr c, cái nào có sau chúng tôi không bàn đ n đây. Nh ng rõ ràng t hai ví d trên, ta có th nh n ra m i quan h L A LÀ Đ M MÊ TÌNH D C.

Th c t kh o sát cho th y s l ng n đ c a l a liên quan đ n c m xúc con ng i, đ c bi t là s đ m mê hay khát v ng chi m s l ng nhi u nh t.

Trong quá trình tìm hi u th ca ti ng Anh và ngay c ti ng Vi t, nhi u ng i g p khó khăn trong vi c hi u ý nghĩa n đ c a nhi u khái ni m, trong đó có khái ni m l a. Do v y, bài vi t này kh o sát nh ng n đ ý ni m c a l a trong th ca M và Vi t Nam nh m tìm ra nh ng nét t ng đ ng và đ bi t v n đ c a “l a” gi a hai ngôn ng nh m giúp cho ng i d y và ng i h c khám phá thêm ý nghĩa n ch a đ ng sau ngôn t liên quan đ n l a và yêu thêm nét đ p c a th ca. Đ ng th i, đ i v i vi c d ch thu t, bài vi t này hi v ng s là m t ngu n tham kh o h u ích cho vi c d ch nh ng văn b n có ch a n đ c a l a nói riêng và n đ nói chung.

2. M t s khái ni m có liên quan và gi i h n nghiên c u

2.1. n đ ý ni m

Theo Lakoff và Johnson [8, tr.8], ngôn ngữ xuyên suốt đời sống của chúng ta và không chỉ thế hiện ngôn ngữ mà còn có thể duy và hành động. Hình thức ý niệm thì ngôn ngữ nhất của chúng ta, mà thông qua đó chúng ta thể duy và hành động, vì thế có thể mang tính ngôn ngữ. Bên cạnh của ngôn ngữ là thể duy và cảm xúc với các hiện tượng thuộc loại này trong thuật ngữ của các hiện tượng khác.

Ngôn ngữ có thể được hiểu như một ánh xạ [8] từ một miền ngôn ngữ đến một miền đích, được cấu trúc một cách chặt chẽ. Để hiểu là một bộ có hình thức của những tương ứng liên (correspondences) nhằm giải thích thành thể của “miền ngôn ngữ” (source domain) và “miền đích” (target domain). Những biểu tượng ngôn ngữ ý niệm là những biểu tượng ánh xạ áp dụng cho một cặp ngôn ngữ đích đã cho. Đây là nguyên tắc tổng quát và nguyên tắc này áp dụng không chỉ cho những diễn đạt thông thường, mà cho những cách nói trong ngôn ngữ bình thường hàng ngày.

2.2. Khái niệm ẩn

Hornby [6], trình bày 6 nghĩa khác nhau của ẩn: (1) *ngôn ngữ ẩn, ánh sáng và hình bóng*; (2) *sự cháy, hình ảnh*; (3) *những điều dùng cho để cháy*; (4) *lò sưởi*; (5) *sự buồn, hình ảnh*; (6) *cảm xúc mãnh liệt*. Trong này, đáng chú ý nhất là nghĩa (1) và nghĩa (6). Từ điển tiếng Việt [10, tr.773] đưa ra 2 nghĩa của ẩn là (1) *nhật và ánh sáng phát sinh từ ngọn lửa* và (2) *trạng thái tinh thần, tình cảm sôi sục, mãnh liệt*.

2.3. Đồ liệu khảo sát

Đồ liệu khảo sát: Trong nghiên cứu này, chúng tôi sử dụng gần 600 mẫu ngôn ngữ ý niệm của ẩn; trong đó, 300 mẫu được lấy từ các bài thơ M, 297 mẫu từ các bài thơ Việt. Tất cả các mẫu được chọn từ sách, báo và các trang web tin cậy do người biên soạn viết.

Hình thức phân tích đồ liệu: Đồ liệu sau khi thu thập được phân loại và mô tả theo nhóm ý niệm ngôn ngữ được ánh xạ với ý niệm đích là ẩn dựa trên lý thuyết về ánh xạ của Lakoff và Johnson.

3. Kết quả nghiên cứu và bình luận

3.1. Ngôn ngữ ý niệm “ẩn” trong thơ ca M và Việt Nam thế kỷ 20

Qua khảo sát thơ ca thế kỷ 20 của M và Việt Nam, chúng tôi đã tìm ra được 16 khái niệm ngôn ngữ tham gia ánh xạ trong ngôn ngữ ý niệm của ẩn. Các từ là: ĐAM MÊ, VỢ T CHA, CÂY CỎ, CON NGƯỜI, VỢ T TH, ÂM NH, LINH H, PH, NG TI, N V, N CHUY, N, S, GIÁC NG, Đ, NG V, T TH, ẨM, B, NH T, T, VINH QUANG, Ý NGHĨ, TÁI SINH, H, Y D, T và XUNG Đ. Xin trích dẫn một số ví dụ để minh chứng:

a. L A LÀ V T CH A

Trong ngôn ngữ, L A được xem như là một vật chất. Để biết, nó có thể có ánh xạ cảm xúc của con người:

(4.1) *We are alone in this terror, alone face to face on this road, you and I, wrapped by this flame!* (William Carlos William, *Light Hearted Author*) [15]

(4.2) Trong ngữ cảnh âm thanh/Thị giác thu được từ từ *lòng/Người đàn bà quỳ quỳ trong đường* / *lòng/Tiếng chuông chùa thanh tịnh*/ Các nhà thơ xanh tái u buồn (Lưu Quang Vũ, *Hoa Cầm Chờ trong Mùa*) [13, tr. 748]

Có một mối liên hệ rất gần gũi và với cảm xúc của con người. Bất kể vui, buồn, cô đơn, giận hờn hay yêu thương, chúng ta luôn cảm nhận được một nguồn nhiệt năng được tỏa ra bên trong cơ thể giống như khi chúng ta được bao quanh bởi một ngọn lửa.

b. L A LÀ LINH H

L A có thể được xem như những linh hồn lang thang (ma tr) hay thần thánh. Ví dụ:

(4.3) *My boy, wherever you are/ Work for your soul's sake/ That all the clay of you, all of the dross of you/ May yield to the fire of you/Till the fire is nothing but light!/ Nothing but light!* (Edgar Lee Master, *Emily Sparks*) [3, tr. 252]

(4.4) *Mi nh đến cảnh pháp trường ghê rợn/ S muôn người li n l t đu nhau r?* / *Hay mi nh nh ng đêm mờ rừng r?* / *H n mi bay trong đ m l a ma tr?* (Ch Lan Viên, *Cái S Ng i*) [13, tr. 711]

Từ ngàn đời xưa, con người đã coi L A là một thực thể siêu nhiên huyền bí. Người ta gọi L A với hình ảnh của người chết, của thần thánh và của ma quỷ.

c. L A LÀ PH NG TI N V N CHUY N

M t s ngh i l h a t áng xem l a nh là m t ph ng ti n v n chuy n, hay là s gi, t th gi i ng i s ng sang th gi i ng i ch t. Ví d:

(4.5) *My lord ain't no stuck-up man/He's a friend o'mine/ When he went to heaven/His soul on fire* (Langston Hughes, *My Lord*) [1, tr..628]

(4.6) *B n th n h ng hu th m êm/ Khó nhang v n o đ ng lên Ni t Bàn/ Chân nhang l m láp tro tàn/ Xăm xăm bóng m tr n gian thu nào* (Nguyễn Duy, *Ng i Bu n Nh M Ta X a*) [13, tr..285]

ph ng Tây, phong t c h a t áng ng i ch t khá ph bi n. H tin r ng linh h n ng i ch t đi qua l a s đ c tái sinh sang m t ki p s ng khác. M t s n i còn có t c đi qua than l a đ tr tà. V t Nam, trong các ngh i l ma chay, cúng bái ng i ta tin r ng ph n th c ăn đ t trên bàn th s đ c ng n l a chuy n cho ng i ch t.

d. L A LÀ S XUNG Đ T

Xung đ t tr c h t đ c hi u là ch ng đ i nhau do có s trái ng c ho c mâu thu n gay gút v đ i u gì đó. Có xung đ t n i t i (trong m t cá nhân, t p th) và xung đ t gi a các cá nhân hay t p th v i nhau. Xét ví d sau:

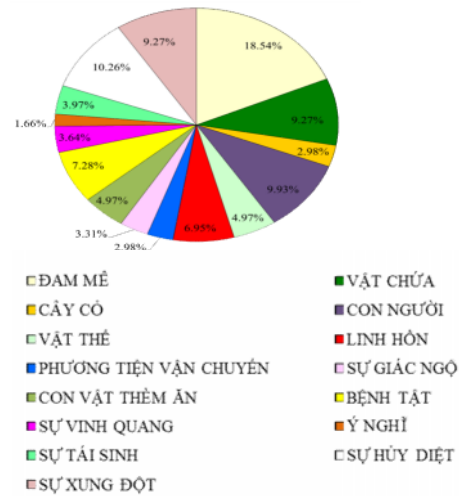
(4.7) *My candle burns at both ends/It will not last the night/But ah, my foes, and oh, my friends/It gives a lovely light!* (Ezra St. Vincent Millay, *First Fig*) [1, tr..525]

ví d trên chúng ta th y có m t “tr n chi n” di n ra i hai đ u đang cháy c a m t ng n n n; m t đ u là b n; đ u kia là thù. Nh v y, l a có th là b n nh ng cũng có th là k thù c a ta.

Xung đ t còn có th hi u nh chi n tranh, cu c cách m ng hay cu c chi n đ u. L a chi n tranh xu t hi n trong r t nhi u bài th v đ tài chi n tranh c a V t Nam, tiêu bi u nh :

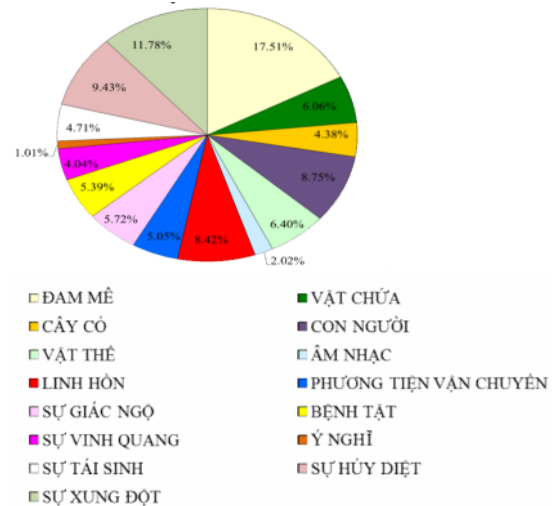
(4.8) *Qua bao ngày l a đ n/ Đ t n c v v i mùa xuân/ Nh em v v i anh/Qua nh ng ngày sóng gió* (Xuân Quỳnh, *Đêm Cu i Năm*) [11, tr..407]

Hình 4.1. Bi u đ th h n đ l đ n s xu t hi n c a các đ ý n m c a “l a” trong th ca M th k 20



Hình 4.1 mô t tần s xu t hi n c a các đ ý n m c a “l a” trong th ca M th k 20 theo t l ph n trăm. Bi u đ đ c chia làm 15 ph n t ng ng v i 15 ý n m ngu n. Theo s đ trên, ĐAM MÊ chi m t l cao nh t v i 18,54%. Các ý n m S H Y DI T, CON NG I và S XUNG Đ T cũng chi m t l khá cao, l n t là 10,26%, 9,93% và 9,27%. Ý n m Ý NGHĨ chi m t l th p nh t v i 1,66%.

Hình 4.2. Bi u đ th h n đ l đ n s xu t hi n c a các đ ý n m c a “l a” trong th ca V t Nam th k 20



Hình 4.2 mô t tần s c a các đ ý n m c a “l a” trong th ca V t Nam th k 20. Bi u đ này cũng bao g m 15 ph n t ng ng v i 15 ý n m ngu n nh ng không có ý n m Đ NG

VỚI THÊM ĂN mà thay vào đó là ý niệm ÂM NHỌ C. Từ ngữ thì, ý niệm ĐAM MÊ chiếm phần lớn nhất trong biểu đồ với 17,51%, kế đến là SỐ XUNG ĐỘ T với 11,78%. Chiếm tỉ lệ phần trăm thấp nhất là Ý NGHĨ với 1,01%.

3.2. Sự giống nhau về nội dung ý niệm của “lạ” trong thơ ca Mĩ và Việt Nam thế kỷ 20

Trong số 16 ý niệm nguồn được tìm thấy xuất hiện trong nội dung ý niệm của “lạ”, chúng tôi nhận thấy có nhiều ý niệm cùng xuất hiện ở cả hai ngôn ngữ tiếng Anh và tiếng Việt. Đó là các ý niệm: ĐAM MÊ, VỚI CHỌA, CÂY CỎ, VỚI THỎ, CON NGƯỜI, LINH HỒN, PHỒNG TIẾN VỚI N CHUYỂN, SỰ GIÁC NGỘ, BỐNH TỐT, VINH QUANG, Ý NGHĨ, SỰ TÁI SINH, SỰ HỖY DỊT và SỰ XUNG ĐỘ T.

Trước tiên, nội dung ý niệm LẠ LÀ ĐAM MÊ được tìm thấy với số lượng nhiều nhất. ĐAM MÊ được cụ thể hóa bằng các ý niệm ĐAM MÊ TÌNH DỤC, KHÁT VỚI NG và SỰ TÒ MÒ. Các trạng thái cảm xúc luôn xuất hiện trong cuộc sống của con người. Chúng ta khác với các sinh vật khác bởi vì chúng ta biết cách biểu hiện cảm xúc trong cuộc sống hàng ngày. Hơn nữa, ngôn ngữ thơ ca là kết quả của việc phản ánh hiện thực cuộc sống qua hình thức nghệ thuật. Nó bộc lộ nhận thức, suy tư về cuộc sống của người nghệ sĩ một cách gián tiếp. Do vậy, nội dung LẠ LÀ ĐAM MÊ xuất hiện rất nhiều trong cả hai ngôn ngữ.

Thứ hai, trong nhiều nền văn hóa lạ là một trải nghiệm, với năng lượng thay đổi và tái sinh. Từ xa xưa, lạ giúp con người thoát ra khỏi thế giới đang vật. Con người dùng lạ để nhìn chín thức ăn, sự vật hay để báo về chính mình. LẠ chính là sự THỎ C TÍNH hay GIÁC NGỘ, là SỰ TÁI SINH hay nó cũng được xem như VỚI CHỌA ĐỘ NG CỎ M XÚC.

Ngoài ra, “lạ” còn là tác nhân mang lại sự hủy diệt, là biểu tượng của các cuộc xung đột hay chiến tranh. Ý niệm LẠ được mô tả rất nhiều trong các bài thơ về chiến tranh hay sự hủy diệt trong cả hai ngôn ngữ. Nhìn chung, trong thế kỷ 20, thơ Việt Nam xuất hiện nhiều nội dung LẠ LÀ CHIẾN TRANH hơn thơ ca Mĩ. Ở giai đoạn này, Việt Nam phải đương đầu với

nhieu cuộc chiến tranh xâm lược của ngoại bang. Nhiều nhà thơ đã dùng hình tượng lạ để phác họa tính khốc liệt của chiến tranh và qua đó nêu cao tinh thần yêu nước chống giặc ngoại xâm của dân tộc Việt Nam.

3.3. Sự khác nhau về nội dung ý niệm của “lạ” trong thơ ca Mĩ và Việt Nam thế kỷ 20

Mặc dù trong nội dung ý niệm của lạ, ý niệm nguồn ĐAM MÊ được xuất hiện với số lượng lớn, bản thân ý niệm này cũng mang nhiều nét nghĩa khác nhau ở hai ngôn ngữ. Để biết, ý niệm ĐAM MÊ TÌNH DỤC ở hai giới nam và nữ là khá tương đồng trong thơ ca Mĩ. Trong khi đó, ý niệm này được tiếp cận từ góc độ nam nhiều hơn là nữ trong thơ ca Việt Nam. Sự khác nhau này có thể xuất phát từ đặc điểm văn hóa của hai nước. Người Mĩ thường có quan niệm phóng khoáng hơn về tình dục so với người Việt.

Bên cạnh đó, sự khác nhau về tần suất xuất hiện các ý niệm nguồn trong nội dung ý niệm của “lạ” ở cả hai ngôn ngữ cũng có sự khác nhau tương đối. Việt Nam số hữu hạn văn hóa nông nghiệp lâu đời. Họ tin rằng vũ trụ được tạo ra từ 5 yếu tố: lạ, nóng, không khí, cây cỏ và kim loại. Người Việt thường thờ lạy hay còn gọi là Ông Táo. Họ thường xuyên thắp hương hay đốt đèn trên bàn thờ để khấn vái ông bà, cầu xin ông bà phù hộ cho con cháu được bình an. Ý niệm về lạ là trở nên quen thuộc trong tâm thức mọi người Việt Nam. Do vậy, số lượng nội dung ý niệm của “lạ” ảnh hưởng với các ý niệm nguồn như CON NGƯỜI, CÂY CỎ, VỚI THỎ, LINH HỒN và PHỒNG TIẾN VỚI N CHUYỂN trong thơ ca Việt được sử dụng phong phú hơn thơ ca Mĩ.

Nội dung LẠ LÀ CON VỚI THÊM ĂN chủ yếu được tìm thấy trong thơ ca Mĩ. Cũng giống như nhiều nước phương Tây khác, nước Mĩ, người ta nhận thấy hình ảnh của những anh chàng cao lớn hay thô sản cứng trắng, đến những cuộc đi săn cuộc sống. Người Mĩ khá quen thuộc với hình ảnh của những con vật hoang dã, hung dữ và đầy sức mạnh. Một số nhà thơ đã mô tả hình ảnh của con vật thêm ăn để nói về lạ là một đặc điểm trong các bài thơ của họ.

Trong một số ít bài thơ tiếng Việt chúng tôi thấy có sự xuất hiện của nội dung ý niệm LẠ LÀ

ÂM NH C. Trong đó, i ru có th t o ra khối hay tiếng hát có th bùng cháy. Điều này b t ngu n t trong tín ng ng c a ng i Vi t, a và âm nh c là hai y u t quan tr ng, tham gia vào nhi u nghi l th n linh. Nh p điều do âm nh c t o ra có th thay i gi ng nh nhi t đ và nh h ng t i c m xúc c a con ng i. Ng i Vi t dùng câu hát đ giao tiếp v i th gi i th n linh ch ng h n nh hát ch u văn, h u đ ng.

Tóm l i, m c dù trong th ca M và Vi t Nam th k 20 t n t i nhi u n đ ý ni m c a “l a” gi ng nhau, chúng ta v n nh n ra s khác bi t v m t s đ ng ngôn t bi u đ t các ý ni m, t n su t xu t hi n c a m i n đ hay m t s n đ ngo i l cho m i ngôn ng .

4. K t lu n

V i m c đích kho sát n đ ý ni m c a “l a” trong th ca M và Vi t Nam th k 20, các tác gi ã t n hành thu th p g n 600 m u đ li u t sách, báo và trang thông tin đ i n t . Các m u này đ c s p x p và phân lo i đ a vào nhóm ý ni m ngu n có th ánh x l lên ý ni m đích “l a”. K t qu thu th p đ c 16 ý ni m ngu n là ĐAM MÊ, V T CH A, CÂY C , CON NG I, V T TH , ÂM NH C, LINH H N, PH I NG TI N V N CHUY N, S GIÁC NG , CON V T THÈM ẮN, B NH T T, VINH QUANG, Ý NGHĨ, S TÁI SINH, S H Y DI T và S XUNG Đ T.

Trong s 16 ý ni m ngu n đ c nêu t trên, m i ngôn ng xu t hi n 15 ý ni m ngu n, trong đó tiếng M không th y xu t hi n ý ni m ÂM NH C và i tiếng Vi t không có ý ni m CON V T THÈM ẮN. S khác bi t này là minh ch ng cho nh ng nét khác bi t v văn hóa, tín ng ng c a m i dân t c. Nh ng đ ng th i, chúng ta cũng th a nh n r ng, hai ngôn ng M và Vi t có khá nhi u nét t ng đ ng trong vi c s đ ng n đ ý ni m c a “l a”. Đó là m t l i th cho ng i Vi t khi h c và c m th th ca M, đ c bi t là tìm hi u các bài th có s xu t hi n n đ ý ni m c a “l a”. M t khác, ng i h c và c ng i đ y tiếng Anh c n l u ý đ n s khác nhau trong n đ ý ni m c a “l a” khi tìm hi u các tài li u trong tiếng Anh và tiếng Vi t. Đ i v i ng i làm công tác d ch thu t, mu n chuy n t i đ c chính xác n i dung thông đ p

t tiếng Anh sang tiếng Vi t và ng i c i, vi c tìm hi u ý nghĩa n đ đ ng sau t ng là r t quan tr ng. Hi v ng bài vi t này s là m t tham kho h u ích cho nh ng ai quan tâm đ n khái ni m l a và n đ ý ni m c a “l a”, đ c bi t trong th ca.

TÀI LI U THAM KH O

1. A. Poulin, Jr. (1996), *Contemporary American poetry, Sixth Edition*, Houghton Mifflin Company.
2. Chevalier J. and Gheerbrant A. (1997), *T đ i n bi u t ng văn hóa Th gi i*, NXB Đà N ng
3. Ellmann R. & O'clair R. (1988), *The norton anthology of modern poetry, second edition*, W.W. Norton & Company, Inc.
4. Gardenfors, P. (2002), *Cognitive semantics*, John Benjamins Publishing Company, Amsterdam/ Philadelphia.
5. Gibbs, R. (1994), *The poetics of mind*, Cambridge: Cambridge University Press.
6. Hornby, A.S. (2005), *Oxford advanced learner's dictionary*, Oxford University Press.
7. Kövecses, Z. (2002), *Metaphor: A practical introduction*, Oxford: Oxford University Press.
8. Lakoff, G. and Johnson, M. (1980), *Metaphors We live by*, Chicago: University of Chicago Press.
9. Lý Toàn Th ng (2005), *Ngôn ng h c tri nh n - t lí thuy t đ i c ng đ n th c t i n tiếng Vi t*, Nxb Ph ng Đông.
10. Hoàng Phê (ch biên) (2014), *T đ i n tiếng Vi t*, Trung tâm T đ i n h c, Nxb Đà N ng.
11. Nguy n Th Tú Trinh (2011), *An investigation into linguistic features of conceptual metaphors in English and Vietnamese*, M.A. Thesis, University of Danang.
12. Nhi u tác gi (1985), *Tuy n t p Th Vi t Nam 1975 - 2000*, NXB H i nhà văn.
13. Nhi u tác gi (2000), *Th Vi t Nam 1945 - 1985*, Nxb Văn h c.
14. Nhi u tác gi (2001), *Th M i 1932-1945: Tác gi và tác ph m*, Nxb H i Nhà văn.
15. Tr n N Th o Quỳnh (2013), *Conceptual metaphors expressing love and hatred in Trinh Cong Son's and Bob Dylan 's Songs*, M.A. Thesis, University of Danang.
16. <http://www.poemhunter.com>